

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

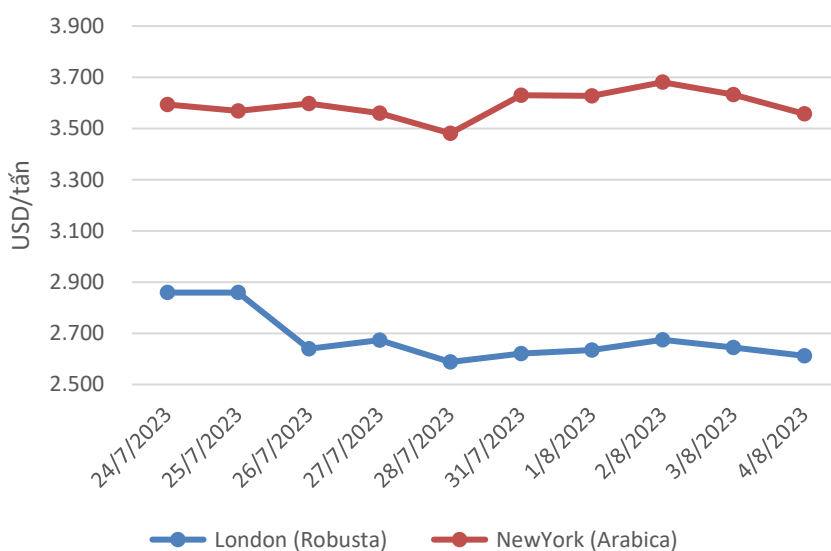


AGROINFO

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9/2023 đạt mức bình quân 2.637 USD/tấn, giảm 3,16% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2023 đạt mức bình quân 3.625 USD/tấn, tăng 1,85% so với tuần trước.
- ❖ Ủy ban Chính sách Tiền tệ Brazil đã công bố giảm 0,5% lãi suất cơ bản đồng Reais xuống ở mức 13,25%/năm.
- ❖ Sản xuất cà phê của Uganda đang phải chịu nhiều tác động tiêu cực do tác động của biến đổi khí hậu
- ❖ Trong niên vụ 2022 - 2023, sản lượng cà phê của Tanzania đạt 82.491 tấn, giá trị xuất khẩu đạt 235,64 triệu USD
- ❖ Hiện tượng khí hậu El Nino có tăng cường vào năm 2024

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Thị trường London, giá cà phê kỳ hạn tháng 9/2023 tiếp tục giảm mạnh trong tuần này. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.637USD/tấn, giảm 3,16% so với tuần trước, nhưng tăng 29,6% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.674 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.612USD/tấn. [1]

Thị trường New York kỳ hạn tháng 9/2023 có tuần thứ hai tăng trở lại từ cuối tháng 7/2023. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 3.625 USD/tấn, tăng 1,85% so với mức giá tuần trước, nhưng giảm 22,9% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.681 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.557USD/tấn. [1]

Uganda

Sản xuất cà phê của Uganda đang phải chịu nhiều tác động tiêu cực do tác động của biến đổi khí hậu với sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, giảm mực nước, hạn hán, v.v. Cà phê Arabica của Uganda được trồng ở những vùng có độ cao lớn (trên 1400m), nhưng ngưỡng độ cao này có thể tăng lên nếu nhiệt độ tăng. Xuất khẩu cà phê của Uganda đạt 718,96 triệu USD năm 2021 tăng 39,4% so với năm 2020 (đạt 515,53 triệu USD). Một nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu chỉ ra rằng biến đổi khí hậu có thể làm giảm đến 50% diện tích phù hợp để trồng cây cà phê, đặc biệt là cà phê Arabica trên toàn cầu. [2]

Tanzania

Tanzania có tiềm năng chuyển đổi nền kinh tế và trở thành quốc gia sản xuất cà phê hàng đầu ở Châu Phi nếu thực hiện chương trình nông lâm kết hợp. Theo giáo sư Aurelia Kamuzora, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Hội đồng Cà phê Tanzania (TCB) chia sẻ rằng, nông lâm kết hợp là ngọn hải đăng hy vọng cho tương lai của ngành sản xuất cà phê. Mỗi quan hệ cộng sinh giữa cây cà phê và các loài cây đa dạng trong hành trình tái tạo giúp tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ sức khỏe

của đất. Cà phê đang là ngành hàng dẫn đầu trong sản xuất nông nghiệp Tanzania, đóng góp hơn 200 triệu USD vào tổng GDP của quốc gia này. Trong niên vụ 2022 - 2023, sản lượng cà phê đạt 82.491 tấn, tăng 23,4% so với 66.837 tấn trong niên vụ 2021 – 2022, giá trị xuất khẩu của niên vụ này đạt 235,64 triệu USD. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta đạt 41.017 tấn, chiếm tỷ lệ 58,76% và cà phê Arabica là 28.788 tấn chiếm 41,24% [3]

Châu Âu

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu, 4 tháng đầu năm 2023, EU nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt 6,38 tỷ EUR (tương đương 7,1 tỷ USD), giảm 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi EU tăng mạnh nhập khẩu cà phê từ Việt Nam, tăng 34,1%, đạt 540 triệu USD (tương đương 601 triệu USD). Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng

trị giá nhập khẩu cà phê của EU từ thế giới chiếm 8,46% trong 4 tháng đầu năm 2023. [5]

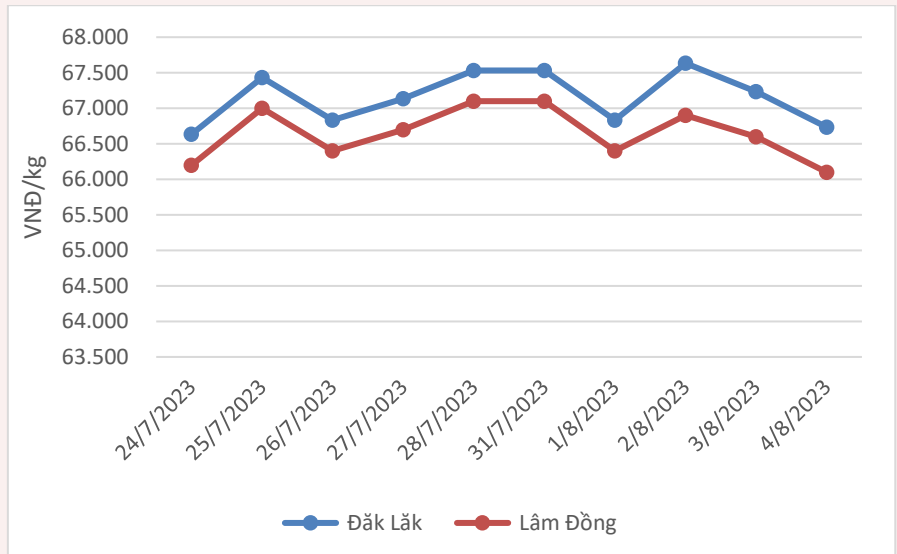
Hoa Kỳ

Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ giảm 10,2% về lượng và giảm 9,5% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 617,1 nghìn tấn, trị giá 3,46 tỷ USD. Mặc dù vậy, Hoa Kỳ vẫn tăng nhập khẩu cà phê từ Việt Nam với mức tăng 41,3% về lượng và tăng 35% về trị giá, đạt 80,76 nghìn tấn, trị giá 182,62 triệu USD. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 5,28% trong 5 tháng đầu năm 2023. [4]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên biến động nhẹ trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 67.193 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 66.620 VNĐ/kg.
- ❖ Tổng cục Thống kê Việt Nam, 7 tháng đầu năm 2023, số lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt 80.000 tấn (khoảng 1,33 triệu bao), giảm 32,1% so với tháng trước và giảm 6% so với cùng kỳ năm trước
- ❖ Tây Nguyên đang chú trọng phát triển vùng cà phê bền vững thông qua việc xây dựng vùng trồng, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này không biến động nhiều so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 67.193 VNĐ/kg, tăng 0,12% so với tuần trước, và tăng 52,27% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta giảm 0,09% so với tuần trước, đạt mức bình quân 66.620 VNĐ/kg, và tăng 51,32% so với cùng kỳ năm 2022. [5]

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dẫn số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong Quý II/2023 đạt 453,88 nghìn tấn, trị giá 1,16 tỷ USD, giảm 19,7% về lượng và giảm 5,4% về trị giá so với Quý I/2023, so với Quý II/2022 tăng 3,7% về lượng và tăng 15,7% về giá trị. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu cà phê đạt trên 1 triệu tấn, trị giá 2,39 tỷ USD, giảm 3,1% về lượng, nhưng tăng 2,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Dự báo Quý III/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ chậm lại do nguồn cung không còn dồi dào. Tuy nhiên, cà phê xuất khẩu của Việt Nam sẽ được hưởng lợi về giá do thị hiếu tiêu dùng của thế giới có xu hướng dịch chuyển sang cà phê Robusta. [6]

Về khu vực xuất khẩu, Quý II/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam có xu hướng chuyển dịch sang các khu vực châu Đại Dương và châu Phi, giảm xuất khẩu sang khu vực châu Âu, châu Á. So với Quý II/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang hầu hết các khu vực tăng. Theo đó, cà phê Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Algérie, Trung Quốc, ASEAN..., trong khi xuất khẩu sang Đức, Ý, Bỉ, Nga... giảm. So với Quý II/2022, xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường truyền thống tăng, ngoại trừ Đức, Nga, Bỉ ... [6]

Về chủng loại xuất khẩu, so với Quý I/2023, xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica của Việt Nam Quý II/2023 giảm lần lượt 8,0% và 24,3%, trong khi xuất khẩu cà phê chế biến và cà phê Excelsa tăng trưởng khả quan. So với Quý II/2022, xuất khẩu hầu hết các chủng loại cà phê tăng, nhưng xuất khẩu cà phê Arabica giảm 39% . [6]

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, 7 tháng đầu năm 2023, số lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt 80.000 tấn (khoảng 1,33 triệu bao), giảm 32,1% so với tháng trước và giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Điều này đã khiến các thị trường tiêu thụ quay lại mối lo thiếu hụt nguồn cung, trong khi nhu cầu tiêu thụ cà phê Robusta của thế giới ngày tăng cao. [7]

Tây Nguyên đang chú trọng phát triển vùng cà phê bền vững thông qua việc xây dựng vùng trồng, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Theo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Đắk Lắk, địa phương có hơn 200 nghìn ha cà phê với tổng sản lượng hàng năm ước đạt khoảng 460 nghìn tấn. Hiện có khoảng trên 10% diện tích cà phê sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh do các đơn vị thuộc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, các công ty cà phê thuộc tỉnh Đắk Lắk và doanh nghiệp quản lý, còn lại gần 90% diện tích cà phê của tỉnh là do nông dân tự trồng, chăm sóc và quản lý. Những năm gần đây, người dân tại Đắk Lắk đã liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất cà phê bền vững, cà phê đặc sản nên phương pháp chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cũng đã được thay đổi rất nhiều. Đặc biệt, người dân hiện nay đã thay đổi quan điểm thu hoạch từ hái xanh đến hái quả chín từ 90 - 100% để bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của đơn vị thu mua. Hiện nay nông dân ở Đắk Lắk cũng tập trung canh tác cà phê các trình như 4C (Bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ Certified, RFA (Rừng nhiệt đới) và FLO (Thương mại công bằng). Tổng diện tích cà phê được áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận tại địa phương ở vào khoảng 45 nghìn ha, chiếm khoảng trên 22% diện tích cà phê toàn tỉnh.[8]

Theo Sở NN-PTNT tỉnh Lâm Đồng, trong giai đoạn 2015-2022 tỉnh này đã thực hiện tái canh,

ghép cải tạo tổng cộng trên 77 nghìn ha. Riêng năm 2023, địa phương đưa ra kế hoạch thực hiện tái canh, ghép cải tạo với diện tích ước khoảng trên 7 nghìn ha. Theo đánh giá, công tác tái canh, ghép cải tạo giống cà phê Robusta đã góp phần đưa năng suất cà phê của tỉnh từ 2,9 tấn nhân/ha năm 2015 tăng lên 3,3 tấn nhân/ha năm 2021. Sản lượng vì thế cũng được tăng từ 400 nghìn tấn năm 2015 lên 560 nghìn tấn vào năm 2021. Lâm Đồng cũng tổ chức xây dựng mô hình cà phê ứng dụng công nghệ cao. Đặc biệt triển khai 5 vùng sản xuất cà phê robusta công nghệ cao với quy mô gần 2 nghìn ha. Trong đó bao gồm, 470ha tại xã Hòa Bắc (huyện Di Linh), 370ha tại xã Đình Lạc (huyện Di Linh), 900ha tại các huyện Lâm Hà, Lạc Dương và huyện Bảo Lâm. [8]

Theo Sở NN-PTNT tỉnh Lâm Đồng, địa phương xác định cà phê là một trong những cây trồng chủ lực. Do vậy, tỉnh thực hiện kế hoạch phát triển ổn định, giữ diện tích 170 nghìn ha vào năm 2025, trong đó diện tích cà phê Robusta 150 nghìn ha với năng suất 3,5 tấn/ha và tổng sản lượng ở vào khoảng 550 nghìn tấn. Lâm Đồng đang thực hiện tái canh, ghép cải tạo cà phê và dự kiến đạt 7,5 nghìn ha vào năm 2024, 8 nghìn ha vào năm 2025. [8]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. [Monitor](#)
3. [Dailynews](#)
4. [Cục Xuất nhập khẩu \(Bộ Công Thương\)](#)
5. Cộng tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên
6. [Cục Xuất nhập khẩu \(Bộ Công Thương\)](#)
7. [MobiAgri](#)
8. [Nông nghiệp Việt Nam](#)

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	67.100	66.400	66.900	66.600	66.100	66.620	-60
Di Linh	67.100	66.400	66.900	66.600	66.100	66.620	-60
Lâm Hà	67.100	66.400	66.900	66.600	66.100	66.620	-60
Bảo Lộc	67.100	66.400	66.900	66.600	66.100	66.620	-60
ĐẮK LẮK	67.533	66.833	67.633	67.233	66.733	67.193	80
Cư M'gar	67.600	66.900	67.700	67.300	66.800	67.260	80
Ea H'leo	67.500	66.800	67.600	67.200	66.700	67.160	80
Buôn Hồ	67.500	66.800	67.600	67.200	66.700	67.160	80
ĐẮK NÔNG	67.750	67.050	67.850	67.550	67.000	67.440	90
Gia Nghĩa	67.800	67.100	67.900	67.600	67.000	67.480	80
Đắk R'lấp	67.700	67.000	67.800	67.500	67.000	67.400	100
GIA LAI	67.433	66.733	67.333	66.933	66.333	66.953	-20
Chư Prông	67.500	66.800	67.400	67.000	66.400	67.020	-20
Pleiku	67.400	66.700	67.300	66.900	66.300	66.920	-20
La Grai	67.400	66.700	67.300	66.900	66.300	66.920	-20
KON TUM	67.400	66.800	67.400	67.000	66.400	67.000	120
Đắk Hà	67.400	66.800	67.400	67.000	66.400	67.000	120

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn